

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CD: TRƯỜNG MẦM NON
Số tuần: 03 tuần, từ ngày 08/9 đến ngày 26/9/2025

I. MỤC TIÊU GIÁO DỤC

TT	Độ Tuổi	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục		Hoạt động giáo dục
			Chung	Riêng	
1. Lĩnh vực phát triển thể chất					
a) Phát triển vận động					
1	3	Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn	- Tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp: hô hấp; tay; lưng, bụng, lườn; chân.	Hai tay đánh chéo nhau về phía trước và ra sau Chân: Bật tách chụm chân tại chỗ	- HĐ học: + HH: Thổi bóng bay, thổi nơ. + Hai tay đưa lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay; nắm, mở bàn tay; quay cổ tay, kiễng chân); Hai tay đánh chéo nhau về phía trước và ra sau
2	4	Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh	- Tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, kiễng chân)	` Vỗ 2 tay vào nhau (Phía trước, phía sau trên đầu).	+ Lưng, bụng, lườn: Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái; Cúi về phía trước, ngửa ra phía sau.
3	5	Trẻ thực hiện đúng, đủ, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp	- Lưng, bụng, lườn: + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. + Cúi người về trước	Chân: ` Bật, đưa chân sang ngang.	+ Chân: Bật tách chụm chân tại chỗ. Bật, đưa chân sang ngang - HĐ chơi: Lá và gió, chi chi chành chành, kéo cưa lừa xẻ - Thể dục theo

					bài : Trường chúng cháu đây là trường mầm non.
4	3	Trẻ có thể giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi kiễng gót liên tục 3m.	- Đi kiễng gót.		* HĐ học: - Đi kiễng gót; Đi bằng gót chân; Đi bằng mép ngoài bàn chân TC: Lộn cầu vòng - Lăn bóng với cô; Tung bóng lên cao và bắt bóng. TC: Mèo đuổi chuột - Bò theo hướng thẳng; Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-5 m. TC: Dung dăng dung dẻ -HĐ chơi(TCM): + Nhảy vào nhảy ra + Truyền tin + Đoán xem ai vào
5	4	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đi bằng gót chân	- Đi bằng gót chân		
6	5	Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đi bằng mép ngoài bàn chân	Đi bằng mép ngoài bàn chân		
10	3	Trẻ có thể phối hợp tay-mắt trong vận động: Lăn bóng với cô	- Tung bóng lên cao và bắt (Tung bắt bóng tại chỗ 5T) - Lăn bóng với cô.		
11	4	Trẻ có khả năng phối hợp tay-mắt trong vận động: Tung bóng lên cao và bắt bóng			
12	5	Trẻ có khả năng phối hợp tay-mắt trong vận động: Tung bóng lên cao và bắt (Tung bắt bóng tại chỗ 5T)			
13	3	Trẻ có thể hiện nhanh, mạnh,	- Bò (theo hướng thẳng, bằng bàn		

		khéo trong thực hiện bài tập: Bò theo hướng thẳng	tay và bàn chân 3-5 m)		
14	4	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-5 m.			
15	5	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập: Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-5 m.			
16	3	Trẻ thực hiện được các vận động: ` Xoay tròn cổ tay. ` Gập, đan ngón tay vào nhau	- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay.		- HĐ lao động: Sắp xếp bàn ăn, lau dọn bàn ăn, thu khăn lau tay - HĐ chơi: + Góc XD
17	4	Trẻ biết thực hiện được các vận động: ` Cuộn - xoay tròn cổ tay. ` Gập, mở, các ngón tay.	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay. - Gập giấy.		"Xây trường lớp mầm non, xây công viên của bé - Góc tạo hình: Vẽ tô màu, làm sách, tranh về trường lớp mầm non...
18	5	Trẻ biết thực hiện được các vận động: ` Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. ` Gập, mở lần lượt từng ngón tay.	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay.		- Thực hành: Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay.
19	3	Trẻ phối hợp cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: Tự cài, cởi cúc.	` Cài, cởi cúc	` Xếp chồng các hình khối khác nhau.	* HĐ lao động: ` Hướng dẫn trẻ tự cài quai dép, ba lô, cởi cúc áo. ` Thực hành:

		Xếp chồng 8-10 khối không đồ.			Cài quai dép, cài, cởi cúc áo.
20	4	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: Tự cài, cởi cúc. ` Xây dựng lắp ráp với 10-12 khối.		` Lắp ghép hình.	* HĐ chơi: ` Góc XD: Xếp chồng các hình khối, lắp ghép hình, xây trường mầm non, lớp mẫu giáo của bé; Xếp khu vui chơi... ` Góc học tập:
21	5	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: Tự cài, cởi cúc. ` Sao chép các chữ cái, chữ số.		- Tô, đồ theo nét chữ o, ô, ơ. Số 6 - Vẽ hình và sao chép chữ cái, chữ số	Thực hành: Tô, đồ các chữ cái theo nét in mờ... - HĐ học: + Tô đồ nét chữ: o, ô, ơ - Hoạt động chơi: + Làm vở toán. + Vẽ chữ cái, chữ số trên cát, xếp chữ cái bằng hạt hạt
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe					
25	3	Trẻ có khả năng biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	` Nhận biết một số món ăn quen thuộc.		- HĐ chơi: Góc phân vai: Cho trẻ tập một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống..
26	4	Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	` Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.		TCTV: Thái rau, băm thịt, vo gạo, nấu chín..
27	5		` Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.		

31	3	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. -Tháo tất, cởi quần, áo....		` Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.	- HD ăn, vệ sinh, lao động: Thực hành: Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng, súc miệng. Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định... - TCTV: Rửa tay, lau mặt, súc miệng
32	4	Trẻ biết thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	* 3-4-5 Tuổi: ` Làm quen cách/tập/tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt. ` Tập/rèn luyện tạo tác/tập luyện kỹ năng: rửa tay bằng xà phòng. - Giữ gìn vệ sinh thân thể; Tiết kiệm nước	.	
33	5	Trẻ biết thực hiện được một số việc đơn giản: ` Tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt, đánh răng ` Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. ` Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch	* 4-5 tuổi: ` Đi vệ sinh đúng nơi quy định	` Sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.	
34	3	` Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.			* HD ăn: + Trẻ sử dụng bát, thìa, cốc uống nước đúng cách...
35	4	` Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	` Cách sử dụng đồ dùng khi ăn uống		+ Tổ chức giờ ăn cho trẻ. + Quan sát và

36	5	Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo		đàm thoại về cách sử dụng một số đồ dùng trong gia đình đúng cách: Ca, cốc, bát... * HĐ chơi: + Thực hành cách cầm thìa bát: Chơi bế em, cho bé ăn bột.
37	3	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở:	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ chất đủ lượng.	- HĐ ăn: Thực hành: Trẻ mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn.
38	4	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ.	- Trước khi ăn phải mời, ăn từ tốn, ăn hết xuất, khi ăn không làm rơi vãi	
39		Trẻ có một số hành vi và thói quen trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn.		
54	5	- Trẻ thực hiện đúng một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. Không leo trèo cây, ban công, tường rào...	- Không chơi ở những nơi không an toàn đến tính mạng. - Nhận biết những hành động nguy hiểm đến tính mạng	- HĐ chơi: Góc phân vai: Lớp học cho trẻ xem 1 số tranh tự ý đi chơi, leo trèo..., góc gia đình. - Chơi ngoài trời: Thực hành: Tránh những hành động nguy hiểm đến không leo trèo cây, tường rào...

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức				
a) Khám phá khoa học				
60	3	Trẻ có thể mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng DDĐC - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1,2,3 dấu hiệu. - Sử dụng đồ chơi, đồ dùng, điện, nước của nhà trường tiết kiệm, tái sử dụng phế liệu làm đồ chơi, đồ dùng dạy học. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. Tìm đúng đồ dùng đồ chơi;	- HĐ chơi: Trải nghiệm: Gieo hạt + Làm đồ chơi từ phế liệu. - Làm đồ chơi từ giấy
65	4	Trẻ biết nhận xét trò chuyện về đặc điểm sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng quan sát		
70	5	Trẻ biết nhận xét và thảo luận về đặc điểm sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát		- HĐ học: + KPXH: Trò chuyện về lớp mẫu giáo của bé - HĐ chơi: + Thực hành gọi tên đồ dùng đồ chơi trong trường, lớp mầm non + Thực hành so sánh sự giống và khác nhau của các đồ dùng trong trường mầm non + Trò chơi : Tìm đồ chơi theo yêu cầu
71	3	Trẻ có thể phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.		
72	4	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.		
73	5	Trẻ biết phân loại các đồ dùng, đồ chơi theo những dấu hiệu khác nhau về hình dáng, màu sắc, chất liệu ...		

					của cô + TCM: Hãy tìm đồ vật có dạng hình này + Mô tả một đồ vật cho bạn cùng chơi (EL16)
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán					
83	3	Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	` Đếm trên đối tượng/đếm trong phạm vi (5; 10) và đếm theo khả năng.	- Một và nhiều	- HĐ chơi: Góc học tập. Cùng cố kỹ năng đếm trong phạm vi 5, 10 và đếm theo khả năng. - HĐ học: Toán: Nhận biết 1 và nhiều, nhận biết số 1; Ôn nhận biết số lượng, chữ số trong phạm vi 5 - Cùng cố nhận biết các nhóm có số lượng trong phạm vi 2, 6, đếm đến 2, 6, nhận biết số 2, 6. Số thứ tự trong phạm vi 2, 6.
84		Trẻ có thể đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5			
85		Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.			
86	4	Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...			
87		Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 6.			

88		Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 6 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.			
89		Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...			
90	5	Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 6 và đếm theo khả năng			
91		Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 6 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.			

c) Khám phá xã hội

130	3	Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	* 3,4T: ` Tên lớp mẫu giáo/địa chỉ của trường, lớp *3,4,5T: ` Tên và công việc của cô giáo (4,5T: và các cô bác trong trường)	- HĐ chơi: + Trò chuyện một số đồ dùng đồ chơi của lớp Trò chơi: Thi nói nhanh Đóng vai: Bác cấp dưỡng, cô giáo, bác sĩ.. -Trò chuyện về trường
131	4	Trẻ nói đúng tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	` Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp/Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn/Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường	

132		Trẻ nói được tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Những thiên tai thường xảy ra ở khu vực trường. - Khu vực an toàn của trường học/ nơi lánh nạn khi có thiên tai. - Bảo vệ môi trường, cảnh quan của nhà trường	mầm non thân yêu của bé
133		Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.		
134		Trẻ nói được tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.		
135	5	Trẻ nói được tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.		
136		Trẻ nói đúng họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp, khi được hỏi, trò chuyện.		
140	3	Trẻ có thể kể tên một số lễ hội: Ngày lễ 2/9, khai giảng, lễ hội festival tây bắc... qua trò chuyện, tranh ảnh.	Đặc điểm nổi bật của một số ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương đất nước: Ngày lễ 2/9, khai giảng, lễ hội festival tây bắc... qua trò chuyện, tranh ảnh. - Nhớ ơn Bác, quan tâm tới các bạn	- HĐ chơi: +Trò chuyện về ngày quốc khánh 2/9 + Xem tranh, video về ngày Ngày lễ 2/9, khai giảng, lễ hội festival tây

142	4	Trẻ biết kể tên và nói đặc điểm của ngày Ngày lễ 2/9, khai giảng, lễ hội festival tây bắc..		bắc... qua trò chuyện, tranh ảnh.
144	5	Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ngày lễ 2/9, khai giảng, lễ hội festival tây bắc... qua trò chuyện, tranh ảnh.		

3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

155	3	Trẻ nói rõ các tiếng: Trẻ dân tộc biết sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp hằng ngày	` Phát âm các tiếng (của tiếng việt; có chứa các âm khó; có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu)	* HĐ học: TCTV: mầm non, chào cô, bạn nhỏ, buổi sáng, giờ ăn, buổi trưa, cô giáo, chào cô, trường em, khăn mặt, rửa mặt, rửa tay, bảng đen, bút màu, tẩy, bút chì, đất nặn, cái kéo.
156		Trẻ có thể sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...		
157	4	Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được.		
158		Trẻ biết sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... Trẻ dân tộc biết sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp hằng ngày		
159		Trẻ biết kể rõ ràng, có trình tự		

		về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được. - Trẻ dân tộc có thể kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được bằng tiếng việt.		
160		Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... phù hợp với ngữ cảnh. Trẻ người dân tộc thiểu số sử dụng đúng từ ngữ và câu bằng tiếng Việt trong giao tiếp hằng ngày.		
167	3	Trẻ đọc thuộc bài thơ : Cô giáo của em, , bập bênh. đồng dao: Ô con sao về rừng	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè về chủ đề trường mầm non, tết trung thu	* HĐ học: - Đọc thơ: Cô giáo của em; bập bênh - Truyện: Bạn mới - Đồng dao: Ô con sao về rừng.
168	4			
169	5	- Trẻ nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ. Trẻ biết đọc diễn cảm bài thơ, cao dao, đồng dao...		

170		- Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ " Cô giáo của em, bập bênh - Đồng dao: Ơ con sao về rừng		
181	3	Trẻ biết sử dụng các từ: "Vâng ạ" "Dạ"; "Thưa"...trong giao tiếp	` Sử dụng một số từ trong giao tiếp với bạn bè và người lớn	* HĐ chơi: + Trò chuyện, xem tranh hành động một số cử chỉ lễ phép + Thực hành nói lời lễ phép lịch sự
182	4	Trẻ biết sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.		
183	5	Trẻ biết sử dụng các từ: " cảm ơn"; "Xin lỗi"; "Xin phép"; "Thưa"; "Dạ"; "Vâng"...phù hợp với tình huống.		
193	4	Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...	* 3,4,5T: Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra vào, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...)	- HĐ Vệ sinh, lao động: Thực hành đi vệ sinh đúng nơi quy định(kí hiệu nam, nữ) + Thực hành: Nhận ký hiệu ở góc chơi, khăn mặt, cốc....
194	5	Trẻ nhận ra được ký hiệu thông thường: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm, lối ra-vào, ...		

195	3	Trẻ thích vẽ, "Viết" nguệch ngoạc.	` Tiếp xúc với chữ, sách truyện.		+ HĐ học: Làm quen chữ cái o, ô, ơ
196	4	Trẻ biết sử dụng ký hiệu để "Viết"; tên làm vé tàu, thiệp chúc mừng...	` Tập tô, tập đồ các nét chữ. - Nhận dạng các chữ cái o, ô, ơ		+ HĐ chơi: TC với chữ cái., tìm bạn, ghép chữ
198	5	Trẻ nhận dạng và phát âm đúng chữ cái o, ô, ơ		` Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	
197	5	Trẻ biết tô đồ theo các nét o, ô, ơ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới	- Tập tô, tập đồ các nét chữ o, ô, ơ		+ HĐ học: Tập tô chữ cái o, ô, ơ. - HĐ chơi: Tô, xếp chữ

4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

230	3	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp: Sau khi chơi biết xếp, cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi...	* 3, 4, 5T: Một số quy định ở lớp và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). * Giữ gìn đồ dùng, đồ chơi		- HĐ lao động: lau dọn cất đồ chơi đúng nơi quy định. - HĐ ăn, ngủ: Giữ trật tự khi ăn, ngủ ngon giấc. - HĐ chơi: + Góc PV: Gia đình, lớp học, bán hàng + Góc thiên nhiên: trồng và chăm sóc cây xanh (EM36) + Chơi các nhóm, chơi theo ý thích... + Chơi ngoài trời: Chơi với sỏi, cát, phấn...
231	4	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp : Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.			
232	5	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và nơi công cộng: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi			

		quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.			
239	3	Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	` Chơi hòa thuận với bạn.		Hoạt động học, hoạt động chơi, hoạt động lao động vệ sinh Chú ý lắng nghe, quan tâm chia sẻ đến mọi người.
240	4	Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn cùng thực hiện hoạt động chung (Chơi, trực nhật..)	` Quan tâm giúp đỡ bạn (Chia sẻ 5T)	` Hợp tác với bạn	
241	5	Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.			
242	4	Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	` Chờ đến lượt.		
243		Trẻ biết chờ đến lượt.			
244	5	Trẻ biết tìm cách giải quyết mâu thuẫn (mạnh dạn tự tin bày tỏ ý kiến). (Dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	` Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến. Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.		

5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ				
256	3	Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng	` Bộc lộ cảm xúc/ bộc lộ cảm xúc phù hợp/ thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống	*HD học: Âm nhạc - DH: Ngày vui của bé - Vđ: Múa: Đu quay - NH: Ngày đầu tiên đi học, trồng com - TC: Đoán tên bạn hát, Tai ai tinh - HD chơi: + Góc nghệ thuật: hát Ngày vui của bé; đu quay; làm quen với nhạc cụ âm nhạc - HD ngủ: Nghe nhạc không lời: Ru con, cò lả, lý cây xanh.
258	4	Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.		
260	5	Trẻ tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, đánh điệu và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.		
262	3	Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc: Ngày đầu tiên đi học, trồng com, ngày vui của bé...	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau về chủ đề Trường mầm non	

263	4	Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc: Ngày đầu tiên đi học, trồng com, ngày vui của bé...			
264	5	- Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc: Đu quay, ngày vui của bé.			
268	3	Trẻ có thể vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (Vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).		` Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.	* HĐ học: - VĐ múa: Đu quay - TC: Tai ai tinh
269	4	Trẻ vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	` 4-5T: Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của bài hát, bản nhạc. ` 3,4,5T: Sử dụng các dụng cụ gõ đệm, theo phách, nhịp; tiết tấu(4,5T)		
270	5	Trẻ vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).		` Thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc	

257	3	Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình...		- HĐ học: + Vẽ đồ chơi (ĐT)) - HĐ chơi: Thực hành: Vẽ, nặn, xé dán đồ dùng đồ chơi.
259	4	Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi ngắm nhìn vẻ đẹp của tác phẩm nghệ thuật trong chủ đề trường mầm non	
261	5	Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình		
274	3	Trẻ có thể vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản.	` Sử dụng một số kỹ năng/ sử dụng các kỹ năng/ phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản/ có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét/ 5T: bố cục - Yêu quý, nghe lời cô giáo	- HĐ chơi: Trẻ sử dụng các kỹ năng vẽ tranh về trường mầm non
275	4	Trẻ biết vẽ phối hợp được các nét xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.		

276	5	- Trẻ phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.		
286	3	Trẻ nhận xét được các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình: Vẽ đồ chơi; cắt dán đèn lồng	- HĐ học: Vẽ đồ chơi - HĐ chơi: Chơi ở các góc nặn đồ dùng đồ chơi,...
287	4	Trẻ biết nhận xét được các sản phẩm tạo hình Vẽ chân dung cô giáo; Làm đèn lồng ; Nặn đồ dùng đồ chơi tặng bạn về màu sắc, hình dáng.		
288	5	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình Vẽ chân dung cô giáo; Làm đèn lồng ; Nặn đồ dùng đồ chơi tặng bạn về màu sắc, hình dáng, bố cục		

Tổng số mục tiêu: 102

II. CHUẨN BỊ

- Khăn lau, xô chậu. Bóng 10-15 quả, rổ đựng bóng
- Tranh ảnh, hoạ báo có hình ảnh về trường lớp mầm non, giấy, kéo, keo dán... Các đồ chơi trong lớp: Sách bút, ca cốc, khăn mũ...
- Các nhóm đồ dùng đồ chơi có số lượng 5. Thẻ số 1- 6
- Hình ảnh thơ, truyện: Bạn mới, cô giáo của em, bập bênh,...
- Thẻ chữ cái o, ô, ơ; thẻ, tranh ghép từ, vở tập tô
- Bộ đồ chơi cô giáo, sách bút, bảng, phấn...
- Tranh ảnh sách, bút, bưu thiếp, kéo, giấy màu, nắp chai...
- Bộ xây dựng lắp ghép, cây cảnh, hoa. Giấy vẽ, bút sáp, bàn ghế, kệ tranh, giá treo.

III. MỞ CHỦ ĐỀ

- Trò chuyện đàm thoại với trẻ về: Tên trường, tên lớp, các hoạt động chăm sóc và giáo dục ở trường, lớp.
- Trong khi trò chuyện, đàm thoại với trẻ cô khuyến khích trẻ trả lời hoặc đưa ra những câu hỏi về những vấn đề liên quan.

- Cô và trẻ sưu tầm, chuẩn bị các nguyên vật liệu để trẻ hoạt động trong chủ đề.

- Sử dụng câu đố, tranh thơ truyện với nội dung phù hợp để dẫn dắt trẻ vào chủ đề.

- Thông báo với phụ huynh về nội dung chủ đề trường mầm non thân yêu của bé, huy động phụ huynh cùng thu thập phế liệu, đồ dùng, đồ chơi cho trẻ hoạt động.

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(Ký duyệt)

NGƯỜI LẬP

Quàng Thị Khuyên

Lường Thị Hoan